

Quận 1, ngày 03 tháng 07 năm 2023

BIÊN BẢN

**V/v niêm yết công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước
Quý 3 năm 2023**

(Theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

I. Thời gian: 11 giờ 30 phút ngày 03 tháng 07 năm 2023.

II. Địa điểm: Trường MN Bến Thành (Số 87-89 Sương Nguyệt Anh, Phường Bến Thành, Quận 1)

III. Thành phần:

Gồm tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Tổng có mặt: 53 /53 vắng: 0

IV. Nội dung:

1. Thông báo nội dung công khai

Thông báo số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 3 năm 2023 của Trường Mầm non Bến Thành về việc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách nhà nước Quý 3 năm 2023.

Theo biểu mẫu đính kèm.

2. Hình thức và thời điểm công khai

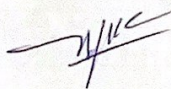
Thời gian từ 03/07/2023 đến 01/08/2023;

Hình thức: công bố công khai trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường và niêm yết tại phòng họp Hội đồng sư phạm (Bản niêm yết Hội trường) trong thời gian 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

3. Mọi ý kiến thắc mắc (nếu có) về nội dung công khai nêu trên đề nghị gửi về bộ phận văn phòng nhà trường để được giải đáp. Số điện thoại: (028)38394941;

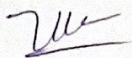
Biên bản được lập xong vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày, đã đọc cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất ký tên dưới đây.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



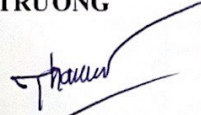
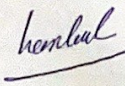
Võ Thị Ngọc Phượng

BAN TTND



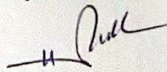
Phan Lê Thảo

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Út – Vũ Thảo My

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Nguyễn Thị Thu

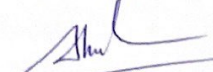


HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Mai Hằng

KÊ TOÁN



Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON BẾN THÀNH

Chương: 622 - Mã QHNSNN: 1068896

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ 3 NĂM 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Bến Thành công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2023:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 3	Luỹ kế số thực hiện	ĐV tính: ngàn đồng	
					Ước thực hiện quý 3/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước luỹ kế thực hiện năm so với dự toán năm (tỷ lệ %)
1	2	3	4		5	6
A	TỔNG SỐ THU CHI HỌC PHÍ, THU KHÁC					
I	Thu từ học phí, thu khác	9.177.227	709.415	2.986.900	7,73%	32,55%
	- Thu học phí	437.400	640	442.080	0,15%	0,00%
	- Thu sự nghiệp	8.739.827	708.775	2.544.820	8,11%	21,32%
	Tiền công giặt nệm	183.632	40	39.960	0,02%	28,63%
	Tiền công phục vụ ăn sáng	974.372	210	212.030	0,02%	31,03%
	Tiền công phục vụ bán trú	2.295.400	500	499.500	0,02%	28,63%
	TTB vật dụng bán trú	34.000	0	800	0,00%	50,00%
	Tiền tiền hội nhập	3.734.326	902	812.712	0,02%	37,84%
	Tiền vệ sinh bán trú	231.610	50	50.400	0,02%	28,37%
	Ngoại khóa TTHN	233.600	56	50.838	0,02%	0,00%
	CSVN TTHN	789.188	188	171.750	0,02%	0,00%
	Tiền công giặt nệm hè	4.000	10.080	10.080	252,00%	0,00%
	Tiền công phục vụ ăn sáng hè	30.000	59.500	59.500	198,33%	0,00%
	Tiền công phục vụ bán trú hè	46.000	126.000	126.000	273,91%	0,00%
	Tiền học hè	110.000	302.400	302.400	274,91%	92,38%
	Tiền vệ sinh bán trú hè	4.600	12.600	12.600	273,91%	0,00%
	Các môn học theo mô hình trường TTHN Hè	65.000	184.632	184.632	284,05%	38,08%
	Ngoại khóa TTHN hè	4.100	11.618	11.618	283,37%	0,00%
II	Chi từ học phí, thu khác	7.781.580	320.341	3.171.762	4,12%	40,76%
	- Chi học phí	437.400	156.113	490.326	35,69%	0,00%
	- Chi từ nguồn thu sự nghiệp	7.344.180	164.228	2.681.435	2,24%	43,99%
	Công phục vụ bán trú	2.295.400	34.843	693.113	1,52%	50,57%
	Vệ sinh bán trú	231.610	361	85.031	0,16%	35,80%
	Tiền công giặt nệm	183.632	0	54.986	0,00%	44,47%
	Tiền công phục vụ ăn sáng	974.372	11	266.850	0,00%	43,81%
	TTB vật dụng bán trú	34.000	0	51.480	0,00%	129,34%
	Tiền tiền hội nhập	3.734.326	0	1.269.772	0,00%	46,51%
	CSVN TTHN	789.188	129.014	260.204	16,35%	0,00%
	Tiền công giặt nệm hè	4.000	13.949	13.949	348,73%	0,00%
	Tiền công phục vụ ăn sáng hè	30.000	79.979	79.979	266,60%	0,00%
	Tiền công phục vụ bán trú hè	46.000	168.046	168.046	365,32%	0,00%
	Tiền học hè	110.000	404.452	404.452	367,68%	66,01%
	Tiền vệ sinh bán trú hè	4.600	20.591	20.591	447,63%	0,00%
	Các môn học theo mô hình trường TTHN Hè	65.000	231.313	231.313	355,87%	27,51%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	1.000		0	0,00%	0%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý 3	Lũy kế số thực hiện	Ước thực hiện quý 3/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước lũy kế thực hiện năm so với dự toán năm (tỷ lệ %)
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			0		
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.012.600	2.423.565	5.421.578	22,01%	32,00%
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.012.600	2.423.565	5.421.578	22,01%	32,00%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.709.359,00	1.255.684	3.723.516	21,99%	34,60%
	6001-Lương theo ngạch, bậc		608.196	1.773.173		32,75%
	6003-Lương hợp đồng theo chế độ			0		
	6101-Phụ cấp chức vụ		5.364	25.032		39,29%
	6112-Phụ cấp ưu đãi nghề		214.620	637.184		31,74%
	6113-Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		447	1.341		33,33%
	6115-Phụ cấp thâm niên VK; PC thâm niên nghề		130.340	375.562		31,53%
	6301-Bảo hiểm xã hội		130.182	382.132		32,46%
	6302-Bảo hiểm y tế		22.317	65.508		32,46%
	6303-Kinh phí công đoàn		14.878	43.672		32,61%
	6304-Bảo hiểm thất nghiệp		7.439	21.836		32,46%
	6501-Tiền điện		25.096	93.331		32,51%
	6502-Tiền nước		21.623	55.877		10,66%
	6504-Tiền vệ sinh, môi trường			4.863		0,00%
	6551-Văn phòng phẩm		16.297	27.977		125,45%
	6599-Vật tư văn phòng khác			0		
	6601-Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax		517	1.171		65,38%
	6605-Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng		1.980	5.280		37,10%
	6704 - Khoản công tác phí		3.000	8.000		25,00%
	6757-Thuê lao động trong nước		0	138.957		0,00%
	6907- Sửa chữa		51.589	51.589		71,23%
	6949-Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		0	5.940		694,61%
	7799-Chi các khoản khác		1.800	5.090		35,44%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.634.241	307.561	837.742	18,82%	53,28%
	Trong đó: - Hỗ trợ thu hút GDMN NQ01/2021 (6116)	647.601,00	207.161	375.196	31,99%	46,43%
	- Hỗ trợ thu hút GDMN NQ04/2021 (6103)	647.640,00	100.400	298.390	15,50%	48,69%
	- Tiền làm thêm giờ (6105)	339.000,00	0	101.156	0,00%	125,44%
	- Tiền Tết TP (6449)	63.000	0	63.000	0,00%	0,00%
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	3.669.000	860.320	860.320	23,45%	23,45%
	Trong đó: - Kinh phí CCTL thực hiện NQ03	3.588.000	860.320	860.320	23,98%	74,76%
	- 10% Tiết kiệm kinh phí thực hiện CCTL năm 2022	70.000	0	0		
	- Kinh phí CCTL thực hiện năm 2022 mang sang	81.000	0	0		
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0,00%	0,00%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0,00%	0,00%

Quận 1, ngày 03 tháng 07 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Mai Hằng